

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 35/2019/HS-ST

Ngày 07-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Huệ và bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Trung H - Sinh ngày: 02 tháng 07 năm 2000 tại huyện P, tỉnh Hưng Y; Nơi ĐKKH và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Y; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K - Sinh năm: 1974 và Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1975, cùng trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Y; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 08/10/2014, Trần Trung H đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản tại Trường tiểu học xã M - huyện P - tỉnh Hưng Y. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi này thì H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên UBND xã M đã ra Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 14/02/2015 về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Trần Trung H trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 14/02/2015, đến ngày 14/8/2015, H chấp hành xong thời hạn giáo dục tại xã.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2019, tạm giam ngày 07/9/2019 hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Trần Đức T - Sinh ngày: 23 tháng 12 năm 1992 tại huyện P, tỉnh Hưng Y; Nơi ĐKKH và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn Cát Dương, xã Tổng Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Y; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức Thiện - sinh năm 1964 và bà Đoàn Thị N - sinh năm 1967, đều trú tại thôn Cát Dương, xã Tổng Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Y; Vợ: Lê Thị Thảo -

sinh năm 1993, trú tại thôn Cốc Khê, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Y (đã ly hôn vào ngày 10/5/2018).

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Nhân thân: Trước khi bị bắt bị cáo có nhân thân tốt, chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/7/2019, tạm giam ngày 09/8/2019 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai – Có mặt.

3. Trần Văn S - Sinh ngày: 13 tháng 10 năm 1995 tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Y; Nơi ĐKKH và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Y; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn H - sinh năm 1967 và bà: Trần Thị B - sinh năm 1971, đều trú tại thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Y.

Vợ: Trần Thị N - sinh năm 1998, trú tại thôn T, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hưng Y.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Nhân thân: Trước khi bị bắt bị cáo có nhân thân tốt, chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/7/2019, tạm giam ngày 09/8/2019 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai – Có mặt.

Bị hại: Anh Hoàng Văn N- Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

Ông Trần Bá Y – Sinh năm: 1949 và anh Trần Bá N – Sinh năm: 1985.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Bá N là ông Trần Bá Y.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

Những người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Kim Q - Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

Anh Hoàng Xuân C - Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Bản , xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Anh Lê Văn L- Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản , xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai- Có mặt.

Chị Đặng Thị H - Sinh năm: 2002.

Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Chị Đỗ Thị K - Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Xã T, huyện P, tỉnh Hưng Y - Vắng mặt.

Chị Đinh Thùy Minh K - Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

Anh Đặng Minh K - Sinh năm: 1964.

Địa chỉ: TDP số , thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

Anh Phùng Văn D - Sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/7/2019, Trần Trung H và Trần Đức T mở quán bán bún đậu ở gần cổng chợ xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên phải đóng cửa quán. Ngày 25/7/2019, H và T đi tắm tại suối Trát, thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng thì H nhìn thấy có nhiều người đến tắm suối và để xe máy ở trên bờ nhưng không có người trông coi. Khi về đến phòng trọ H đã nảy sinh ý định trộm cắp xe máy, H nói với T "*Anh giúp em đi lên suối Trát trộm một con xe để mang về xuôi xem có ai mua thì bán lấy tiền bù vào việc mở quán do làm ăn thua lỗ*" và T đồng ý nhận lời. Tối ngày 25/7/2019, T dùng số điện thoại 0865175636 gọi điện vào số điện thoại 0943435883 của Trần Văn S để rủ S đến thị trấn Tầng Loỏng trộm cắp xe máy. T biết S làm được vạm phá khóa xe máy nhưng khi đó S chưa đồng ý đi ngay, ngày 28/7/2019, T bắt xe khách đi về quê tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Y và sáng 29/7/2019, T gặp S, sau đó cả hai bắt xe buýt đi Hà Nội chơi. Khi đến Hà Nội, T lại rủ S lên thị trấn Tầng Loỏng trộm cắp xe máy thì S đồng ý nhận lời. T gọi điện cho H dặn chuẩn bị 03 mũ bảo hiểm và 03 khẩu trang để đi trộm cắp xe máy. Khoảng hơn 17 giờ ngày 29/7/2019, T và S đi xe khách đến cầu Suối Trát, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, T đã gọi điện cho H đến đón T và S về quán bún đậu nghỉ lại. Sáng ngày 30/7/2019, H chở T bằng xe máy Sufat BKS 24Y1-3751 ra một cửa hàng ở thị trấn Phố Lu mua 01 tuốc nơ vít đóng và 01 vắn vít chữ T mang về quán bún đậu để cùng S chế vạm phá khóa xe máy. H đến cửa hàng quảng cáo Hồng KhuY ở gần quán bún đậu để mượn máy mài về đưa cho S mài dẹt một đầu tuốc nơ vít, mài xong S đưa chiếc T bằng kim loại cho H và hướng dẫn H mang đầu T đi cắt và hàn lại cho chắc, sau đó H cầm đầu T đến cửa hàng hàn xì của ông Đặng Minh Khoa cắt ngắn và hàn lại thành vạm phá khóa xe máy hình chữ T. Sau khi hàn xong, H đưa chiếc vạm cho S cầm rồi cả ba đến quán game ở thị trấn Tầng Loỏng chơi. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30/9/2019, H bảo T và S đi đến suối Trát để trộm cắp xe máy và điều khiển xe mô tô SunFat BKS 24Y1-3751 chở T, S đi vào khu vực bãi tắm trên cùng của suối Trát (thường gọi là bãi tắm 2) ở thôn Tầng Loỏng 2, thị trấn Tầng Loỏng. Đến nơi, T bảo H đi xe máy quay ra chân dốc để xem có ai vào tắm thì điện thoại báo cho T biết, còn T và S ngồi rình ở trong chuồng trâu cạnh lối mòn đi xuống suối. H đã điều khiển xe máy đi ra chân dốc được khoảng một lúc thì phát hiện anh Hoàng Văn N đi xe mô tô Yamaha Exciter BKS 24Y1-156.47 vào bãi tắm nên H dùng số điện thoại 0961558317 gọi điện báo cho T biết. Khi đi vào bãi tắm, anh N dựng xe máy ở lề đường cách bãi tắm khoảng 50m rồi đi xuống suối Trát tắm. Lúc này, T và S đều nhìn thấy chiếc xe máy BKS 24Y1-156.47 nên S đã đi xuống vị trí dựng xe máy còn T đứng cách đó khoảng 07m để cảnh giới, S đã dùng hai tay cầm vạm

phá khóa đứt lưỡi vạm vào ổ khóa điện rồi vặn theo chiều kim đồng hồ, T đứng ở gần đó nhìn thấy đèn pha của xe sáng lên và bảo "S ời, sáng đèn rồi". T tiến đến vị trí chiếc xe nổ máy, điều khiển xe chở S đi ra ngoài đường thì gặp H. Sau đó, T điều khiển xe máy BKS 24Y1-156.47 chở S đi trước, còn H điều khiển xe máy Sufat BKS 24Y1-3751 đi sau. Khi đến đầu cầu Phố Lu, do xe máy của H bị hết xăng nên H đã gửi xe lại ở quán của ông Nguyễn Văn Thảo và gọi điện thoại cho T quay lại đón. T đã quay xe lại đón H rồi cả ba cùng đi trên chiếc xe Yamaha Exciter BKS 24Y1-156.47 theo đường quốc lộ 4E ra quốc lộ 70 đi về Bảo Y. Trên đường đi, T tiếp tục điều khiển xe máy, S ngồi ở giữa, còn H ngồi ở phía sau cùng. Khi đi đến ngã ba Bắc Ngâm, do S để chiếc vạm phá khóa xe máy ở túi quần phía sau bị vướng nên S đã đưa vạm cho H cầm. Khoảng hơn 17 giờ ngày 30/9/2019, khi đi đến Km 149 + 35 thuộc thôn Cửa Cải, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng thì T nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter màu đen bạc BKS 24P3-0163 của ông Trần Bá Y dựng ở lề đường quốc lộ 70 theo hướng Lào Cai - Bảo Y nhưng không có người trông coi (Xe mô tô này thuộc sở hữu của ông Trần Bá Y và anh Trần Bá Nam). T đã nói với S và H là "Xe kia có lấy không", S liền hỏi là "Xe đâu, xe gì", cùng lúc đó H cũng nói với T và S là "Quay lại xem có người không thì làm". T đã điều khiển xe quay lại gần vị trí chiếc xe Jupiter BKS 24P3-0163 và H nhảy xuống gần chiếc xe, lúc này, T chở S đi qua một đoạn rồi vòng xe quay lại đi chậm, vừa chờ vừa quan sát cảnh giới cho H. H dùng hai tay cầm vạm phá khóa đứt vào ổ khóa điện rồi vặn theo chiều kim đồng hồ khoảng 10 giây thì mở được khóa điện, H đã ngồi lên xe nổ máy, điều khiển xe cùng với T và S đi về hướng Bảo Y, đi được khoảng 10 km thì H đưa chiếc vạm phá khóa xe máy cho S cầm. Khi đi đến Km 75 thuộc Bản 6, xã Long Khánh, huyện Bảo Y thì T và S bị quần chúng nhân dân và lực lượng Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai phát hiện bắt giữ cùng chiếc xe máy Yamaha Exciter BKS 24Y1-156.47 và 01 chiếc vạm phá khóa. Sau đó, vụ việc được lực lượng chức năng bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng điều tra theo thẩm quyền. Đối với Trần Trung H đã điều khiển xe mô tô chạy thoát. Khi đi đến thôn Làng Mường, xã Tô Mậu, huyện Lục Y, tỉnh Y Bái, do lo sợ hành vi bị phát giác, H đã bỏ lại chiếc xe máy Jupiter ở cạnh bờ suối, còn chiếc biển kiểm soát 24P3-0163 H giật ra khỏi xe và giấu vào 01 bụi cây ở gần đó. Ngày 29/8/2019, Trần Trung H đã đến Công an huyện Bảo Thắng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 05/8/2019 và kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 05/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bảo Thắng, kết luận: 01 xe máy Yamaha Exciter, màu S xanh, đen BKS 24Y1-156.47 có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ án là 40.890.000 đồng; 01 xe mô tô Yamaha Jupiter màu S đen, bạc BKS 24P3-0163 có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ án là 2.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 14/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố các bị cáo Trần Trung H, Trần Đức T và Trần Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: TuY bố các bị cáo Trần Trung H, Trần Đức T và Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. TuY phạt bị cáo Trần Trung H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. TuY phạt bị cáo Trần Đức T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; TuY phạt bị cáo Trần Văn S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm hình sự: Do không có ai yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuY tịch thu tiêu hủy vật chứng là: 01 vạm phá khóa;

TuY tịch thu sung Ngân sách Nhà nước điện thoại Iphone 5s thu giữ của Trần Đức T và 01 điện thoại di động ITEL thu giữ của Trần Văn S; TuY án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Trung H, Trần Đức T và Trần Văn S đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô Yamaha Exciter BKS 24Y1-156.47 của anh Hoàng Văn N trị giá 40.890.000 đồng, 01 chiếc xe máy Yamaha Jupiter BKS 24P3-0163 thuộc sở hữu của ông Trần Bá Y và anh Trần Bá Nam trị giá 2.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 43.190.000 đồng.

Bị cáo Trần Trung H là người chủ mưu, khởi xướng, tham gia chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp trộm cắp chiếc xe máy BKS 24P3-0163 của ông Trần Bá Y và anh Trần Bá N; bị cáo H cũng là người cảnh giới cho bị cáo S trộm cắp chiếc xe máy Yamaha Exciter BKS 24Y1-156.47 của anh Hoàng Văn N, do đó bị cáo Trần Trung H giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Trần Đức T, khi được Trần Trung H rủ trộm cắp xe máy thì T đã đồng ý và rủ thêm Trần Văn S cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 24Y1-156.47 của anh Hoàng Văn N thì Trần Văn T đã cảnh giới

cho Trần Văn S phá ổ khóa xe máy và trực tiếp điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở Trần Trung H và Trần Văn S bỏ trốn. Trần Văn T cũng là người khởi xướng và cảnh giới cho Trần Trung H trộm cắp chiếc máy Yamaha Jupiter BKS 24P3-0163 nên Trần Văn T giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với Trần Văn S, là người tích cực chuẩn bị công cụ phạm tội, trực tiếp phá ổ khóa xe máy của anh Hoàng Văn N và cùng với Trần Văn T cảnh giới cho Trần Trung H trộm cắp xe máy Yamaha Jupiter BKS 24P3-0163 nên Trần Văn S phải chịu trách nhiệm với vai trò thực hành và giúp sức tích cực trong vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra nhiều lần và mỗi lần đều cấu thành tội phạm. Do đó, các bị cáo H, T, S phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố các bị cáo ra trước tòa hôm nay về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động, vì muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo phải xử được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về các vấn đề có liên quan trong vụ án:

Đối với chị Đinh Thùy Minh K là người cho Trần Trung H mượn máy mài để dùng vào việc chế tạo vạm phá khóa; ông Đặng Minh K là người đã cắt và hàn lại chiếc vạm vít chữ T cho bị cáo H và ông Nguyễn Văn T là người đã cho H gửi xe mô tô. Quá trình điều tra, xác định chị K, ông Khoa và ông Thảo đều không biết mục đích và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với chị KhuY, ông Khoa và ông Thảo là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô Sufat màu S xanh BKS 24Y1-3751 do Trần Trung H dùng làm phương tiện chở Trần Đức T và Trần Văn S đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuyến. Ông Tuyến đã mua lại chiếc xe trên của ông Nguyễn Văn Đoàn với giá 1.500.000 đồng. Ông Tuyến đã cho Trần Trung H mượn chiếc xe để đi lại. Khi

H sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, thì ông Tuyển không biết và không liên quan, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo Thắng không đề cập xử lý trách nhiệm đối với ông Tuyển và đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô Sufat BKS 24Y1-3751 cho ông Nguyễn Văn Tuyển, đến nay ông Tuyển không có ý kiến gì về vật chứng đã nhận nên không xem xét giải quyết.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản bị mất, anh Hoàng Văn N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị ổ khóa điện và bóng đèn xi nhan phía trước bên trái của xe mô tô BKS 24Y1-156.47 bị hư hỏng, tổng số tiền là 500.000đồng. Ông Trần Bá Y và anh Trần Bá Nam là chủ sở hữu xe mô tô YAMAHA Jupiter màu đen BKS 24P3-0163, yêu cầu 03 bị cáo phải bồi thường tiền thay thế ổ khóa điện là 350.000 đồng và chi phí đi lại xin cấp lại biển số xe là 300.000đồng, tổng cộng là 650.000đồng. Các bị cáo T và S đã tự nguyện bỏ ra số tiền 300.000đồng/1 người để bồi thường cho các bị hại, còn bị cáo H tự nguyện bỏ ra số tiền 550.000đồng để bồi thường cho các bị hại. Đến nay không ai có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo Thắng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 02 chiếc xe mô tô cho các chủ sở hữu hợp pháp, đến nay không ai có ý kiến gì khác.

Đối với 01 chiếc vạm phá khóa hình chữ T được hàn lại với nhau bằng thép màu trắng có dòng chữ CHROME VANADIUM 8 và phần đầu lục giác của đầu vạm có dòng chữ S2PH2. Đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tuY tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Iphone 5S vỏ màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Trần Đức T và 01 điện thoại di động ITEL, vỏ màu đen, bàn phím trần, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn S, đây là điện thoại mà các bị cáo sử dụng để liên lạc trong quá trình trộm cắp tài sản cần tuY tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại mà Trần Trung H sử dụng để liên lạc với bị cáo Trần Đức T khi phạm tội. Bị cáo H khai trong quá trình điều khiển chiếc xe mô tô Jupiter BKS 24P3-0163 bỏ trốn, bị cáo đã đánh rơi chiếc điện thoại, không rõ rơi ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi để xử lý được.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Trung H, Trần Đức T và Trần Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về đề nghị của Kiểm sát viên, các bị cáo:

Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 43.190.000 đồng. Các bị cáo đã chuẩn bị vạm phá khóa và thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản và phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định

khung là “*Phạm tội hai lần trở lên*”, bị cáo H là người đã có nhân thân xấu về hành vi “*cưỡng đoạt tài sản*”, lần phạm tội này lại chủ mưu, khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc lấy trộm một xe mô tô trong vụ án. Đối với bị cáo T và bị cáo S đều có vai trò tích cực trong việc chuẩn bị công cụ phạm tội, bị cáo S trực tiếp thực hiện 01 lần lấy trộm xe mô tô, bị cáo T là người điều khiển xe đi sau khi bị cáo S phá khóa và chủ mưu, khởi xướng việc lấy trộm xe mô tô Jupiter BKS 24P3-0163. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe, phòng ngừa, tội phạm.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa để quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa thì các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. TuY bổ các bị cáo Trần Trung H, Trần Đức T và Trần Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Trung H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2019;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Đức T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2019;

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2019.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

TuY tịch thu để tiêu hủy: 01 chiếc vạm phá khóa hình chữ T, được hàn lại với nhau bằng thép màu trắng: Thân vạm là thép đặc hình trụ tròn dài 14,5cm, đường kính 0,8cm được hàn cố định với một ống thép hình trụ tròn dài 5cm, đường kính 0,8cm trên thân có dòng chữ CHROME VANADIUM 8. Đầu vạm tự chế được làm từ đoạn thép lục giác có đường kính 0,8cm, dài 7,7cm, một đầu hình lục giác dài 2,5cm, đầu còn lại được mài dẹt hai cạnh, phần đầu lục giác của đầu vạm có dòng chữ S2PH2.

TuY tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 5S vỏ màu trắng, số imei: 352004068155312, lắp sim Viettel số thuê bao 0865175636, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Trần Đức T và 01 điện thoại di động ITTEL, vỏ màu đen, bàn phím trần, số imei 1: 352430083990063, số imei 2: 352430083990070, lắp sim Vinaphone số 0943435883 máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn S.

Toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/10/2019.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trần Trung H, Trần Đức T và Trần Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và vắng mặt bị hại, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày thụ án và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp; Bị cáo (3);
- THA (2);
- LưuHS,TA,THS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

